

2026

Danh mục thuốc

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2026



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các lựa chọn điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là danh sách đầy đủ các thuốc được đài thọ theo quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng tránh và được quy định theo Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1_A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ loại biệt dược có giá cao hơn và các thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào biểu mẫu Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không áp dụng nữa.

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
D/D+/C	Không áp dụng	Các loại thuốc trong danh mục thuốc có ký hiệu D/D+/C đi kèm có thể áp dụng khoản đồng thanh toán khác đối với các thiết kế quyền lợi nhất định. Vui lòng tham khảo các tài liệu về quyền lợi của quý vị để biết thêm thông tin.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate SOLN</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CHEW	2	QL(1 EA daily); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anorexiant Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 EA daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
RINVOQ TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 EA daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ 40 MG/0.4ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ 80 MG/0.8ML	4	QL(0.0143 ML daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.143 ML daily); PA
ADALIMUMAB-ADBIM (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBIM (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Gold Compounds		
HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)
			RIDAURA	3	QL(3 EA daily)
			Interleukin-1 Blockers		
			ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
			Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
			ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	SP; PA
			ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA
			ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4	SP; PA
			ACTEMRA SOSY	4	SP; PA
			KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA
			KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA
			Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
			<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 EA daily)
			<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B		<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B		Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B		OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>etodolac CAPS</i>	1B		OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>etodolac TABS</i>	1B		OTEZLA TABS	4	QL(2 EA daily); PA
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); PA	OTEZLA TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B		OTEZLA TBPk	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1B	RX/OTC	Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B		<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A		Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B		ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>indomethacin CPCR</i>	1B		ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B		ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(20 EA per fill retail; 20 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B		ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 EA daily); ST	ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)	Analgesic Combinations		
<i>nabumetone</i>	1B		<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B		<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA			
<i>naproxen TABS</i>	1B				
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)			
<i>oxaprozin TABS</i>	1B				
<i>piroxicam CAPS</i>	1B				
<i>sulindac TABS</i>	1B				
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Salicylates			<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ML daily)
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ML daily)
Opioid Agonists			<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)</i>	1B	
<i>CODEINE SULFATE TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 EA daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrocodone bitartrate CP12</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA			
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B		<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>butalbital-aspirin-cafeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>SUBSYS LIQD 800 MCG</i>	3	QL(8 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 EA daily)			
Opioid Combinations					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ML daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Androgens		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 GM daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1A	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 GM daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ML daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	2	QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	1B	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (<i>fluticasone furoate (inhalation)</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
<i>fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 GM daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
QVAR REDHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Sympathomimetics		
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	QL(15 ML daily)
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ML daily)
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 GM daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ML daily)
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ML daily)
<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)
<i>umeclidinium-vilanterol</i>	2	QL(2 EA daily)
Xanthines		
<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ML daily)
<i>theophylline TB12</i>	1B	
<i>theophylline TB24</i>	1B	
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1A	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>rivaroxaban SUSR 1 MG/ML</i>	1B	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
<i>rivaroxaban TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR 1 MG/ML (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
XARELTO TABS 15 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
Heparins And Heparinoid-Like Agents			<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)	Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)	<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP	<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)	<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP	<i>clonazepam TBDP</i>	1B	
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP	<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP	NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML, 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML</i>	4	SP	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B		VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B		VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
Thrombin Inhibitors			Anticonvulsants - Misc.		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B		BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 EA daily); PA
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures			BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 EA daily); PA
AMPA Glutamate Receptor Antagonists			BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA
<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); PA	<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1B	
			<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); ST
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	<i>pregabalin SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); ST
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ML daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA	<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST	<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 EA daily); PA
<i>gabapentin CAPS</i>	1B		TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ML daily)	TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B		<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	1B	QL(40 ML daily)	<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 EA daily)	<i>topiramate TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 EA daily)	<i>topiramate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>lamotrigine TABS</i>	1B		<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>lamotrigine TB24</i>	1B		Carbamates		
<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ML daily)	<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
			GABA Modulators		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tiagabine hcl</i>	1B		<i>mirtazapine TBDP</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	Antidepressants - Misc.		
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	
Hydantoins			<i>bupropion hcl TB12</i>	1B	
DILANTIN	2		<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1B	
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2		GABA Receptor Modulator - Neuroactive Steroid		
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2		ZURZUVAE	3	PA
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2		Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
DILANTIN SUSP (<i>phenytoin</i>)	2		EMSAM	3	QL(1 EA daily)
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B		MARPLAN	2	QL(6 EA daily)
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B		<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B		<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B		N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
<i>phenytoin SUSP</i>	1B		SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
Succinimides			SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)	Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)	<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1A	
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1A	
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)	<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	
Valproic Acid			<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1B	
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B		<i>fluoxetine hcl CAPS</i>	1A	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B		<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1A	
<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B		<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B		<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1B	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression			<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1B	
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)			<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	
<i>mirtazapine TABS</i>	1B		<i>paroxetine hcl TABS</i>	1B	
			<i>paroxetine hcl TB24</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS</i>	1B	
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1B	
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1B	
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1B	
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1B	
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1A	
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 EA daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)
XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA
Biguanides		
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1A	QL(2.5 EA daily)
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1A	QL(5 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>glucagon SOLR IJ 1 MG</i>	1B	QL(0.035 EA daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 EA daily)
JANUVIA	2	QL(1 EA daily)
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
Incretin Mimetic Agents		
<i>liraglutide</i>	1B	QL(0.3 ML daily); PA
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ML daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ML daily)
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2	
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2	
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1B	
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1B	
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1B	
INSULIN LISPRO SOLN IJ	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
NOVOLOG FLEXPEN SOPN	1B	
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	1B	D
NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	1B	D
NOVOLOG PENFILL SOCT	1B	
NOVOLOG SOLN IJ	1B	
REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	2	
TRESIBA SOLN	2	
Insulin Sensitizing Agents		
ACTOS (<i>pioglitazone hcl</i>)	3	QL(1 EA daily)
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>glimepiride 4 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>glipizide TB24</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glyburide TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA	Antagonists		
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B		<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily); PA
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 EA daily)	<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B		<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily); PA
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)	VARUBI (180 MG DOSE) TBPK	3	PA
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B		ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)	Antifungals		
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)	<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)	<i>flucytosine</i>	1B	
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B		<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B		<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic			<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC	<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC	Imidazole-Related Antifungals		
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)	CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B		<i>fluconazole SUSR</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous			<i>fluconazole TABS</i>	1B	
AKYNZEO	3	PA	<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA	<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B		<i>ketoconazole</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor			<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)
			TOLSURA CAPS	4	PA
			<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
			ANTI-HISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
			Antihistamines - Ethanolamines		
			<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
			<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	
<i>QUZYTIR SOLN IV</i>	3	QL(10 ML daily); PA
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 EA daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 GM daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 GM daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 EA daily)
<i>WELCHOL TABS (colesevelam hcl)</i>	3	QL(7 EA daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1A	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 EA daily); PV

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1A	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 EA daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ML daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ML daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ML daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1A	
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1A	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1A	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 EA daily)
EDARBI	3	QL(1 EA daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine hcl TABS</i>	1A	QL(8 EA daily)
<i>clonidine PTWK</i>	1B	QL(0.15 EA daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1A	
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>quinapril-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMEYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>metronidazole TABS 250 MG, 500 MG</i>	1B	
<i>pentamidine isethionate IN</i>	1B	
<i>tinidazole</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ML per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
ZYVOX SUSR (<i>linezolid</i>)	3	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1A	
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 10 MG (<i>lomustine</i>)	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (<i>lomustine</i>)	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA	Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
<i>lomustine 10 MG</i>	4	SP; PA	INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>lomustine 40 MG, 100 MG</i>	4	PA	LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>melphalan</i>	1B		LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
<i>melphalan hcl IV</i>	1B		LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
MYLERAN TABS	4	SP; PA	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA	LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA	LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
ZANOSAR	4	SP; PA	MVASI	4	PA
Antimetabolites			ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA	ARZERRA	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA	LOQTORZI	4	PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA	RUXIENCE	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	TRUXIMA	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	YERVOY	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	KANJINTI	4	PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		OGIVRI	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		TRAZIMERA	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	TUKYSA	4	PA
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	ERBITUX	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA			
TABLOID	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors			<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
DAURISMO	4	PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 EA daily)
ODOMZO	4	QL(1 EA daily); PA	NUBEQA	4	QL(4 EA daily); PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			ORGOVYX	4	PA
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA	<i>toremifene citrate</i>	1B	
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 EA daily)	TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 EA daily); SP	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA
EMCYT	4	SP; PA	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA	YONSA	4	QL(4 EA daily); PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 EA daily); SP	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA	Antineoplastic - Immunomodulators		
FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA	POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); SP; PA	Antineoplastic Antibiotics		
<i>letrozole</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
			<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
			<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	<i>imatinib mesylate TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA	KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
Antineoplastic Combinations			KYPROLIS	4	PA
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA	LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA	LUMAKRAS 320 MG	3	QL(3 EA daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	3	QL(2 EA daily); PA
ALECENSA	4	QL(8 EA daily); PA	LYNPARZA TABS	4	QL(4 EA daily); PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	SP; PA	MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 EA daily); PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
CAPRELSA	4	QL(1 EA daily); SP; PA	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA	<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	ROZLYTREK CAPS	4	PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA	<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA	STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
ICLUSIG	4	QL(1 EA daily); PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
			<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
			TAFINLAR CAPS	4	QL(4 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
TAZVERIK	4	PA	<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA	ETOPOPHOS	4	SP; PA
TURALIO 125 MG	4	PA	<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA	<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
VITRAKVI CAPS	4	PA	IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
VITRAKVI SOLN	4	PA	<i>paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA	<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
XOSPATA	4	PA	<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
ZEJULA TABS	4	QL(1 EA daily); PA	<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
ZELBORAF	4	QL(8 EA daily); SP; PA	Topoisomerase I Inhibitors		
ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA	HYCANTIN CAPS	4	SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA	<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
Antineoplastics Misc.			<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA	ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa</i>	1B	
<i>hydroxyurea</i>	1B		Antiparkinson Anticholinergics		
MATULANE	4	SP; PA	<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
NIPENT	4	SP; PA	<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
PHOTOFRIN	4	SP; PA	<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
PROLEUKIN	4	SP; PA	Antiparkinson COMT Inhibitors		
SYNRIBO	4	SP; PA	<i>entacapone</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B		TASMAR (<i>tolcapone</i>)	3	
UVADEX	4	SP; PA	<i>tolcapone</i>	3	
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents			Antiparkinson Dopaminergics		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B		<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B				
VORAXAZE	4	SP; PA			
Mitotic Inhibitors					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 EA daily)
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 EA daily)
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 EA daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 EA daily); PA
FANAPT TITRATION PACK A	2	PA
<i>paliperidone</i>	1B	
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	
<i>risperidone TABS</i>	1B	
<i>risperidone TBDP</i>	1B	
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG, 7.5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>olanzapine TABS 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1B	AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1B	
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
Quinolinone Derivatives		
<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
Thioxanthenes		
<i>thiothixene</i>	1B	
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antiretrovirals		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ML daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)
CABENUVA	3	
CIMDUO	3	QL(1 EA daily); ST
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)
DESCOVY 200 MG-25 MG	3	QL(1 EA daily)
DOVATO	3	QL(1 EA daily)
EDURANT	3	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)	ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)	PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)
EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)	RETROVIR SOLN	3	
FUZEON SOLR	4	SP; PA	<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 EA daily)
GENVOYA	3	QL(1 EA daily)	SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 EA daily)	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 EA daily)
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 EA daily)	STRIBILD	3	QL(1 EA daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)	SYMTUZA	3	
ISENTRESS TABS	3	QL(2 EA daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
JULUCA	3	QL(1 EA daily)	TIVICAY PD TBSO	3	
KALETRA SOLN	2	QL(12.5 ML daily)	TIVICAY TABS	3	QL(2 EA daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)	TRIUMEQ PD TBSO	3	
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	TYBOST	3	QL(1 EA daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 EA daily)	VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 EA daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ML daily)	VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 EA daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ML daily)	VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)	<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	CMV Agents		
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>cidofovir</i>	3	
NORVIR CAPS	2	QL(12 EA daily)	<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
			<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 EA daily); SP
LEDIPASVIR-SOFOSBUVIR TABS	4	QL(1 EA daily); PA
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 EA daily)
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	QL(1 EA daily); PA
SOVALDI TABS	4	QL(1 EA daily); SP; PA
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA
ZEPATIER	4	QL(1 EA daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ML daily)
<i>acyclovir TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Influenza Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days. ; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(120 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1A	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1A	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1A		<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)	<i>felodipine</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)	<i>isradipine CAPS</i>	1B	
Beta Blockers Non-Selective			<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>HEMANGEOL SOLN PO</i>	4	QL(75 ML daily); PA	<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B		<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>pindolol TABS</i>	1B		<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B		<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B		<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B		<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B		<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>timolol maleate TABS</i>	1B		<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure			CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Calcium Channel Blockers			Cardiac Glycosides		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B		<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B		<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B		<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)	CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B		Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B		<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B		<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
TRACLEER TBSO 32 MG (<i>bosentan</i>)	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
<i>ivabradine hcl TABS</i>	3	QL(2 EA daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 250 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefprozil TABS</i>	1B		<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B		<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
Cephalosporins - 3rd Generation			<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefdinir CAPS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefixime CAPS</i>	1B		NATAZIA	0	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	PA	NEXTSTELLIS	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B		<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy			<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
Combination Contraceptives - Oral			<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
AVERI TABS PO	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0				
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0				
FEMLYV TBDP	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail)	<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
Combination Contraceptives - Vaginal			<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
ANNOVERA	0		<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)	MEDROL TABS	3	
Emergency Contraceptives			<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
ELLA	0		<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Injectable			<i>methylprednisolone TBPk</i>	1B	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)	<i>prednisolone sodium phosphate TBPk</i>	3	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)	<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisone SOLN</i>	1B	
OPILL	0		<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
SLYND	0	QL(1 EA daily)	<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions			<i>prednisone TBPk</i>	1B	
Glucocorticosteroids			SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 EA daily)	SOLU-CORTEF 250 MG	3	
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA	SOLU-MEDROL 2 GM	3	
DEPO-MEDROL SUSP	3		<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML</i>	1B	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B		Mineralocorticoids		
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B		<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B		COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B		Antitussives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST; PA
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)	<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)	<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
Agents for External Genital and Perianal Warts			<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)	ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
Antibiotics - Topical			<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)	<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)	<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B		<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)	<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA	<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
Antifungals - Topical			<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily)	<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail	<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B		<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)	<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)			
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)			
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC			
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B		<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
<i>tavaborole</i>	1B	PA	<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
Anti-inflammatory Agents - Topical			<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	PA
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical			COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	PA	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)	<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 EA daily)
Antipruritics - Topical			PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	PYZCHIVA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
Antipsoriatics			PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
			SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA
			SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA
			STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
			STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
			STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
			STEQEYMA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
			STEQEYMA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)	<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA			
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>amcinonide LOTN</i>	3	
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>amcinonide OINT</i>	3	
YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
YESINTEK SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)	<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)
Burn Products			<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
SULFAMYLON CREA	3		<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
Corticosteroids - Topical					
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)			
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	PA	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	PA	<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ML daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
			<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
			<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
Diagnostic Tests			ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
CHEMSTRIP K STRP	1B		DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1B		Carbonic Anhydrase Inhibitors		
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B		<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B		<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
KETONE TEST STRP	1B		<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
KETOSTIX STRP	1B		<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B		<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
PRECISION XTRA KETONE	1B		Diuretic Combinations		
RELION KETONE TEST STRP	1B		<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC	<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 EA daily); RX/OTC	<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1A	
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC	<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1A	
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes			Loop Diuretics		
Digestive Enzymes			<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 EA daily)
			<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1B		PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
<i>furosemide TABS</i>	1A		PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>torsemide TABS</i>	1B		<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
Potassium Sparing Diuretics			<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B		<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>spironolactone TABS</i>	1B		<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics			TYMLOS	4	PA
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1A		<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)	Corticotropin		
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)	ACTHAR GEL	3	PA
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)	Fertility Regulators		
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)	CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones			NOVAREL IM 10000 UNIT	4	PA
Bone Density Regulators			GnRH/LHRH Antagonists		
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)	<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1A	QL(0.143 EA daily)	ORILISSA	2	PA
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)	Growth Hormones		
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA	GENOTROPIN CART SC	4	PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 EA daily)	HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
			NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHERA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	1B	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
BIJUVA	3	PA
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.572 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EVAMIST SOLN	3	
MENEST 2.5 MG	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (<i>estrogens, conjugated</i>)	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
5-HT ₄ Receptor Agonists		
<i>prucalopride succinate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)		
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 EA daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 EA daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 EA daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
PYZCHIVA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
STEQEYMA	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
YESINTEK 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 EA daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
<i>sevelamer hcl 800 MG</i>	1B	QL(17 EA daily)
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	1B	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1A	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>eptifibatide 200 MG/100ML</i>	4	PA
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ticagrelor 60 MG, 90 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ML daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
<i>eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
NYVEPRIA	4	PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
HEMATINIC/FOLIC ACID	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>quazepam</i>	3	PA
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBEC</i>	1B	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 EA daily)
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections			DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 EA daily)
Azithromycin			FANTASY LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>azithromycin PACK</i>	1B		FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>azithromycin SUSR</i>	1B		FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)	FEMCAP DEVI	0	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)	KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)	KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 EA daily)
Clarithromycin			KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B		KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>clarithromycin TABS</i>	1B		KIMONO PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>clarithromycin TB24</i>	1B		KIMONO PS PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
Erythromycins			KIMONO PS MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin base CPEP</i>	3		KIMONO SENSATION PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin base TABS</i>	3		KIMONO SENSATION MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B		KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B		KIMONO MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3		MAXX PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
Fidaxomicin			MAXX MISC	0	QL(2 EA daily)
DIFICID TABS 200 MG (<i>fidaxomicin</i>)	2		OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
<i>fidaxomicin TABS 200 MG</i>	1B		REALITY LATEX CONDOMS MISC	0	QL(2 EA daily)
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES			REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 EA daily)
Contraceptives			REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	TROJAN BARESKIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
CAYA DPRH	0				
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0	
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0	
TROJAN ULTRA THIN MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0	
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0	
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0	
TRUE COVER DEVI	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0	
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)	Diabetic Supplies		
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDDERED MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	PA
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	PA
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE READER	3	PA
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1B	QL(6.667 EA daily); RX/OTC
TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	QL(2 EA daily)	RELION LANCET DEVICES 30G	1B	QL(6.667 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0		RELION LANCETS	1B	QL(6.667 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0		SELECT LANCETS	1B	6.66/day
			TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B	
			Parenteral Therapy Supplies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA
UBRELVY 50 MG	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); ST
UBRELVY 100 MG	3	QL(16 EA per 30 day(s) retail; 16 EA per 30 days mail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 EA daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ML daily)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	ISOLYTE-P IN D5W	1B	
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	ISOLYTE-S	1B	
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B	
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	NORMOSOL-M IN D5W	1B	
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	NORMOSOL-R PH 7.4	1B	
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1B	
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B	
MINERALS & ELECTROLYTES			<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B	
Bicarbonates			<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B		<i>ringer's</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B		Fluoride		
Calcium			<i>sodium fluoride CHEW</i>	0	QL(1 EA daily)
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		Phosphate		
Electrolyte Mixtures			<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1B	
<i>electrolyte-148</i>	1B		Potassium		
<i>electrolyte-a</i>	1B		<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
IONOSOL-MB IN D5W	1B		<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
			<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>potassium chloride CPR</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA
<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1B	PA	<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B		<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B		<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B		PROGRAF PACK	2	PA
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES			PROGRAF SOLN 5 MG/ML (<i>tacrolimus</i>)	2	
Chelating Agents			SIMULECT	3	
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA	<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)	<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 EA daily); SP; PA	<i>tacrolimus SOLN 5 MG/ML</i>	1B	
Immunomodulators			THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	Irrigation Solutions		
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA	<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
Immunosuppressive Agents			<i>ringer's irrigation</i>	1B	
ATGAM	4	SP; PA	<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
AZATHIOPRINE SODIUM	1B		Potassium Removing Agents		
<i>azathioprine TABS</i>	1B		LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B		MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B		Anesthetics Topical Oral		
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA	<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
			<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
			Anti-infectives - Throat		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clotrimazole</i>	1B		NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Antiseptics - Mouth/Throat			NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)
Dental Products			NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC	ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental			ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B		PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)
Throat Products - Misc.			PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>cevimeline hcl</i>	1B		PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B		PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)
MULTIVITAMINS			PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
Prenatal Vitamins			PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)			
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)			
FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)			
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)			
MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			
MATRONEX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 GM daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B		<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B		<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B		<i>trifluridine</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B		ZIRGAN GEL	2	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B		Ophthalmic Immunomodulators		
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B		<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B		Ophthalmic Local Anesthetics		
Cycloplegic Mydriatics			<i>proparacaine hcl</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)	Ophthalmic Steroids		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B		<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)
Miotics			<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B		<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents			FML FORTE SUSP	3	PA
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B		LOTEMAX OINT	3	PA
Ophthalmic Anti-infectives			<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3		<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
BESIVANCE	3	PA	MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B		<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B		PRED MILD	3	PA
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B		<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
NATACYN	2		<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B		<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B				
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ZYLET	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	PA
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily)
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	1B	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Monoclonal Antibodies		
BEYFORTUS	0	
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B		Agents for Chemical Dependency		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B		<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>penicillin g sodium</i>	3		<i>disulfiram</i>	1B	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B		<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B		Antidementia Agents		
Penicillin Combinations			<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B		<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
Penicillinase-Resistant Penicillins			<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B		<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B		<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B		<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs			<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Progestins			Combination Psychotherapeutics		
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A		<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B		<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA	Fibromyalgia Agents		
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0		SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
<i>progesterone CAPS</i>	1B		SAVELLA TABS	2	QL(2 EA daily); PA
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions			Movement Disorder Drug Therapy		
			AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA
			<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Multiple Sclerosis Agents			<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA	Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA	NUDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
BETASERON KIT	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA	<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>pimozide</i>	1B	
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)	Smoking Deterrents		
EXTAVIA KIT	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 EA daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 EA daily)	<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)	<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)	NICOTINE KIT	0	
LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA	<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA	NICOTROL NS SOLN	0	
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA	NICOTROL INHA	0	
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA	<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 EA daily)
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA	<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA	RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA	Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA	PROLASTIN-C SOLN	4	PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA	PROLASTIN-C SOLR	4	PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 EA daily)	Cystic Fibrosis Agents		
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents			KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA	ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
			ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
			PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
			TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 EA daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 EA daily)
EVEXITHROID TABS 180 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1A	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID TABS	1B	QL(1 EA daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	0	
TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	0	
VAXELIS SUSP	0	
VAXELIS SUSY	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>NEXIUM 24HR TBEC 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	1B	QL(1 EA daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 EA daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)	ABRYSVO	0	
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
Urinary Antispasmodics - Beta-3 Adrenergic Agonists			AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>mirabegron TB24</i>	3	PA	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists			AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B		AREXVY	0	
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	AUDENZ EMUL	0	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants			AUDENZ PRSY	0	
<i>flavoxate hcl</i>	1B		COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0	
VACCINES			COMIRNATY SUSP	0	
Bacterial Vaccines			COMIRNATY SUSY	0	
ACTHIB SOLR IM	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
BEXSERO 0.5 ML	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
CAPVAXIVE	0		FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
HIBERIX SOLR IJ	0		FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENACTRA	0		FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENQUADFI 0.5 ML	0		FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENVEO SOLR	0				
PEDVAX HIB SUSP	0				
PENBRAYA	0				
PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)			
PNEUMOVAX 23 SOLN	0				
PNEUMOVAX 23 SOSY	0				
PREVNAR 13	0				
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail			
TRUMENBA 0.5 ML	0				
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail			
Viral Vaccines					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	IPOL IJ	0	
FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	JYNNEOS	0	
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0	
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 BIVALENT	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0	
			MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0	
			MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
			MRESVIA	0	
			NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0		VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0		VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0		VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0		Spermicides		
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0		TODAY SPONGE MISC	0	
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0		VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0		Vaginal Anti-infectives		
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
RECOMBIVAX HB SUSP	0		<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
RECOMBIVAX HB SUSY	0		<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
ROTARIX SUSP	0		<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
ROTATEQ SOLN	0		<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)	<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0		Vaginal Anti-inflammatory Agents		
SPIKEVAX SUSP	0		<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
SPIKEVAX SUSY	0		Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
TWINRIX SUSY	0		PHEXX	0	PV
VAQTA	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail	PHEXXI	0	PV
			Vaginal Estrogens		
			<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
			<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
			FEMRING	3	PA
			PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN ER TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	28	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	42	STARTER) AJKT	3
abacavir sulfate TABS	28	ACTHAR GEL	42	adapalene CREA	35
abacavir sulfate-lamivudine	28	ACTHIB SOLR IM	61	adapalene GEL	35
abiraterone acetate 250 MG	24	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	26	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	35
abiraterone acetate 500 MG	24	ACTOS (pioglitazone hcl)	16	adefovir dipivoxil	30
ABRYSVO	61	acyclovir CAPS	30	ADEMPAS	32
acamprosate calcium	57	acyclovir SUSP	30	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	59
acarbose	14	acyclovir TABS PO	30	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	61
acebutolol hcl CAPS	30	acyclovir topical CREA	38	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP 61	
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	acyclovir topical OINT	38	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	61
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	ADACEL SUSP	59	AFLURIA SUSP	61
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	59	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	46
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT . 2		AIMOVIG	50
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT . 2		AIMSCO LUBRICATED MISC	48
acetazolamide CP12	41	ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	2	AKYNZEO	17
acetazolamide sodium	41	ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	2	albendazole	7
acetazolamide TABS 125 MG	41	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ 40 MG/0.4ML	2	albuterol sulfate AERS	9
acetazolamide TABS 250 MG	41	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ 80 MG/0.8ML	2	albuterol sulfate NEBU	9
acetic acid (otic)	56	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	2	albuterol sulfate SYRP	9
acetic acid 0.25 %	45	ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT 2		albuterol sulfate TABS	9
acetylcysteine SOLN	35	ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	2	alclometasone dipropionate CREA 38	
acitretin 10 MG, 17.5 MG	37	ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	3	alclometasone dipropionate OINT .38	
acitretin 25 MG	37	ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV		ALDURAZYME	43
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	3			ALECENSA	25
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	3			alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	42
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	3				
ACTEMRA SOSY	3				

40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	46	MG, 40 MG	1	baclofen TABS	54
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	46	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	balsalazide disodium CAPS	44
ARCALYST	3	atorvastatin calcium TABS	18	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
AREXVY	61	atovaquone	21	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
arformoterol tartrate	9	atovaquone-proguanil hcl	21	BAXDELA SOLR	44
ARIKAYCE	2	atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML	54	BAXDELA TABS	44
aripiprazole SOLN PO	28	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	60	BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN .	50
aripiprazole TABS	28	ATROVENT HFA	9	BELSOMRA	47
armodafinil	1	AUDENZ EMUL	61	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
ARMOUR THYROID TABS	59	AUDENZ PRSY	61	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation))	9	AURANOFIN 3 MG	3	benazepril hcl	19
arsenic trioxide 10 MG/10ML	26	AUSTEDO TABS	57	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD .	35
ARZERRA	23	avanafil	32	BENZEPRO FOAM 5.3 %	35
asenapine maleate 2.5 MG	27	AVERI TABS PO	33	benzonatate 100 MG	35
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	27	AVONEX PEN AJKT	58	benzonatate 150 MG	35
aspirin CHEW	5	AVONEX PREFILLED PSKT	58	benzonatate 200 MG	35
aspirin TABS 325 MG	5	azacitidine SUSR	23	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	35
aspirin TBEC 325 MG	5	AZATHIOPRINE SODIUM	52	benzoyl peroxide GEL 10 %	35
aspirin TBEC 81 MG	5	azathioprine TABS	52	benzoyl peroxide GEL 5 %	35
aspirin-dipyridamole	46	azelaic acid GEL	40	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 % .	35
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	28	azelastine hcl (ophth)	56	benzoyl peroxide-erythromycin GEL .	35
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	28	azelastine hcl	54	benztropine mesylate TABS	26
atenolol & chlorthalidone	19	azithromycin PACK	48	bepotastine besilate	56
atenolol TABS	30	azithromycin SUSR	48	BESIVANCE	55
ATGAM	52	azithromycin TABS 250 MG	48	betaine	43
atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25		azithromycin TABS 500 MG	48		
		azithromycin TABS 600 MG	48		
		bacitracin (ophthalmic)	55		

betamethasone dipropionate (topical) CREA	38	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20	bumetanide TABS	41
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	38	bisoprolol fumarate	30	buprenorphine hcl SOLN	7
betamethasone dipropionate (topical) OINT	38	bleomycin sulfate 15 UNIT	24	buprenorphine hcl SUBL	7
betamethasone dipropionate augmented CREA	38	BOOSTRIX SUSP	59	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7
betamethasone dipropionate augmented LOTN	38	BOOSTRIX SUSY	59	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7
betamethasone dipropionate augmented OINT	38	bortezomib SOLR IJ	25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7
betamethasone valerate CREA	38	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	25	buprenorphine PTWK	7
betamethasone valerate FOAM ...	38	bosentan TABS 125 MG	32	bupropion hcl (smoking deterrent) ..	58
betamethasone valerate LOTN	38	bosentan TABS 62.5 MG	32	bupropion hcl TABS	13
betamethasone valerate OINT	38	bosentan TBSO 32 MG	32	bupropion hcl TB12	13
BETASERON KIT	58	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)	9	bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG	13
betaxolol hcl (ophth) SOLN	55	BREO ELLIPTA	10	buspirone hcl 5 MG	8
betaxolol hcl	30	BREZTRI AEROSPHERE	10	buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8
bethanechol chloride 25 MG	61	brimonidine tartrate (topical)	40	busulfan SOLN	22
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	61	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % ..	55	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5
bexarotene (topical)	37	brimonidine tartrate-timolol maleate . 55		butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4
bexarotene	26	brinzolamide	56	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4
BEXSERO 0.5 ML	61	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML ...	11	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5
BEYFORTUS	56	bromfenac sodium (ophth)	56	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6
bicalutamide	24	bromocriptine mesylate CAPS	27	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6
BIJUVA	43	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	27	butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5
BIKTARVY	28	budesonide (inhalation) SUSP	9		
bimatoprost SOLN	56	budesonide (intrarectal)	7		
bisacodyl SUPP	47	budesonide (nasal)	54		
bisacodyl TBEC	47	budesonide CPEP	34		
		budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10		
		bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	41		

butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	CAPVAXIVE	61	GM, 500 MG	32
butenafine hcl	36	carbamazepine CHEW 100 MG	11	cefdinir CAPS	33
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	carbamazepine CP12 100 MG	12	cefdinir SUSR	33
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML	7	carbamazepine CP12 200 MG	11	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	33
CABENUVA	28	carbamazepine CP12 300 MG	12	cefixime CAPS	33
cabergoline	43	carbamazepine SUSP	12	cefixime SUSR	33
CABOMETYX TABS	25	carbamazepine TABS	12	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	32
calcipotriene CREA	37	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM	32
calcipotriene OINT	37	carbamazepine TB12 200 MG	12	cefpodoxime proxetil SUSR	33
calcipotriene SOLN	37	carbidopa	26	cefpodoxime proxetil TABS	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	38	carbidopa-levodopa TABS	27	cefprozil SUSR	32
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	38	carbidopa-levodopa TBCR	27	cefprozil TABS	33
calcitonin (salmon) NA	42	carbidopa-levodopa TBDP	27	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	33
calcitriol (topical)	37	carbidopa-levodopa-entacapone	27	cefuroxime axetil TABS	33
calcitriol CAPS	43	carbinoxamine maleate SOLN	17	cefuroxime sodium IJ 750 MG	33
calcitriol SOLN IV	43	carbinoxamine maleate TABS 4 MG	17	celecoxib	3
calcium acetate (phosphate binder) CAPS	45	carisoprodol TABS	54	cephalexin CAPS	32
calcium acetate (phosphate binder) TABS	45	carmustine	22	cephalexin SUSR	32
calcium chloride (dihydrate) SOLN	51	carteolol hcl (ophth)	55	CERDELGA	46
calcium polycarbophil TABS	47	carvedilol	30	cetirizine hcl TABS	18
candesartan cilexetil	19	carvedilol phosphate	30	cevimeline hcl	53
candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide	20	CAYA DPRH	48	CHEMET	16
capecitabine	23	CAYSTON	21	CHEMSTRIP K STRP	41
CAPRELSA	25	cefaclor CAPS	32	chloramphenicol sodium succinate	21
captopril 12.5 MG	19	cefaclor SUSR 250 MG/5ML	32	chlordiazepoxide hcl CAPS	8
captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG	19	cefadroxil CAPS	32	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	60
		cefadroxil SUSR	32	chlordiazepoxide-amitriptyline	57
		cefadroxil TABS	32	chlorhexidine gluconate (mouth-throat)	53
		cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10			

chloroquine phosphate TABS 250 MG	22	ciprofloxacin hcl TABS	44	clindamycin phosphate vaginal CREA	63
chloroquine phosphate TABS 500 MG	22	ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML .	44	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	35
chlorpromazine hcl SOLN	28	ciprofloxacin-dexamethasone	56	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	35
chlorpromazine hcl TABS	28	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide .	56	clindamycin phosphate-tretinoin ..	35
chlorthalidone 25 MG, 50 MG	42	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ...	22	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) ..	54
chlorzoxazone TABS 500 MG	54	citalopram hydrobromide SOLN ...	13	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...	54
chlorzoxazone TABS 750 MG	54	citalopram hydrobromide TABS ...	13	clobazam SUSP	11
cholecalciferol CAPS	64	clarithromycin SUSR	48	clobazam TABS	11
cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	64	clarithromycin TABS	48	clobetasol propionate CREA 0.05 % .	39
cholestyramine light PACK	18	clarithromycin TB24	48	clobetasol propionate emollient base 0.05 %	38
cholestyramine light POWD	18	CLASSIC PRENATAL TABS	53	clobetasol propionate FOAM	39
cholestyramine PACK	18	clemastine fumarate SYRP	18	clobetasol propionate GEL 0.05 %	39
cholestyramine POWD	18	clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	18	clobetasol propionate OINT 0.05 %	39
choline fenofibrate	18	CLIMARA PRO	43	clobetasol propionate SOLN 0.05 % .	39
CHORIONIC GONADOTROPIN IM 42		clindamycin hcl	21	clocortolone pivalate	39
ciclopirox GEL	36	clindamycin palmitate hydrochloride .	21	clofarabine	23
ciclopirox olamine CREA	36	clindamycin phosphate (topical) FOAM	35	clomiphene citrate TABS	42
ciclopirox olamine SUSP	36	clindamycin phosphate (topical) GEL	35	clomipramine hcl	14
ciclopirox SHAM	36	clindamycin phosphate (topical) LOTN	35	clonazepam TABS	11
ciclopirox SOLN	36	clindamycin phosphate (topical) SOLN	35	clonazepam TBDP	11
cidofovir	29	clindamycin phosphate (topical) SWAB	35	clonidine hcl (adhd) TB12	1
cilostazol	46	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	21	clonidine hcl TABS	19
CIMDUO	28			clonidine PTWK	19
cimetidine TABS	60			clopidogrel bisulfate 300 MG	46
cinacalcet hcl	43			clopidogrel bisulfate 75 MG	46

clorazepate dipotassium TABS	8	MCG/0.3ML	61	cyclosporine (ophth) EMUL	55
clotrimazole (topical) CREA	36	COMIRNATY SUSP	61	cyclosporine CAPS	52
clotrimazole (topical) SOLN	36	COMIRNATY SUSY	61	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	52
clotrimazole	53	COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate)	28	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	52
clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	63	CORDRAN TAPE	39	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	52
clotrimazole w/ betamethasone CREA	36	CORTISPORIN-TC	56	cyproheptadine hcl SYRP	18
clotrimazole w/ betamethasone LOTN	36	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY . 37		cyproheptadine hcl TABS	18
clozapine TABS	27	COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	37	CYSTAGON CAPS	45
clozapine TBDP 100 MG	27	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	37	CYSTARAN	56
clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 27		COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	37	dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11	
clozapine TBDP 25 MG	27	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	37	dactinomycin	24
COARTEM	22	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	37	dalfampridine	58
codeine sulfate TABS 30 MG	5	CREON CPEP	41	danazol CAPS	7
CODEINE SULFATE TABS	5	CRESEMBA CAPS 186 MG	17	dantrolene sodium CAPS	54
colchicine TABS	45	cromolyn sodium (ophth)	56	dapagliflozin propanediol	16
colchicine w/ probenecid	45	cromolyn sodium NEBU	9	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG	14
colesevelam hcl PACK	18	crotamiton LOTN	40	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG	14
colesevelam hcl TABS	18	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	53	dapsone	21
colestipol hcl GRAN	18	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	46	DAPTACEL	59
colestipol hcl PACK	18	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	54	daptomycin 500 MG	21
colestipol hcl TABS	18	cyclophosphamide CAPS	22	darifenacin hydrobromide	60
COMBIVENT RESPIMAT AERS ..	10	cyclophosphamide SOLR IJ	22	darunavir TABS 600 MG	28
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	25	cycloserine	22	darunavir TABS 800 MG	28
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	25			dasatinib	25
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	25			DAURISMO	24
COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10				decitabine	23
				deferasirox PACK	16

deferasirox TABS	16	desoximetasone GEL	39	diazepam TABS	8
deferasirox TBSO	16	desoximetasone OINT 0.25 %	39	diazoxide	15
deflazacort TABS	34	desvenlafaxine succinate	14	diclofenac epolamine PTCH EX ...	37
DELSTRIGO	28	dexamethasone ELIX	34	diclofenac potassium TABS 50 MG .	3
demeclocycline hcl TABS	59	DEXAMETHASONE INTENSOL		diclofenac sodium (actinic keratoses)	
DEPO-ESTRADIOL	43	CONC	34	EX	37
DEPO-MEDROL SUSP	34	dexamethasone sodium phosphate		diclofenac sodium (ophth)	56
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY		(ophth)	55	diclofenac sodium (topical) GEL EX	
SC	34	dexamethasone SOLN	34	37	
DESCOVY 200 MG-25 MG	28	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75		diclofenac sodium TB24	4
desipramine hcl TABS	14	MG	34	diclofenac sodium TBEC	4
desloratadine TABS	18	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5		diclofenac w/ misoprostol TBEC	4
desloratadine TBDP 2.5 MG	18	MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	34	dicloxacillin sodium	57
desmopressin acetate SOLN IJ ...	43	dexlansoprazole	60	dicyclomine hcl CAPS	60
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN		dexmethylphenidate hcl CP24	1	dicyclomine hcl SOLN PO	60
NA	43	dexmethylphenidate hcl TABS	1	dicyclomine hcl TABS	60
desmopressin acetate spray	43	dextroamphetamine sulfate CP24 10		DIFFERIN LOTN	35
desmopressin acetate spray		MG, 15 MG	1	DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin)	
refrigerated 0.01 %	43	dextroamphetamine sulfate CP24 5		48	
desmopressin acetate TABS 0.1 MG		MG	1	diflorasone diacetate CREA	39
43		dextroamphetamine sulfate SOLN ..	1	diflorasone diacetate OINT	39
desmopressin acetate TABS 0.2 MG		dextroamphetamine sulfate TABS 2.5		diflunisal TABS	5
43		MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG .		difluprednate	55
desogestrel & ethinyl estradiol	33	1		digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML	31
desogestrel-ethinyl estradiol		dextroamphetamine sulfate TABS 5		digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG,	
(biphasic)	33	MG, 10 MG	1	250 MCG	31
desogestrel-ethinyl estradiol		DIACOMIT CAPS 250 MG	12	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ	
(triphasic)	33	DIACOMIT CAPS 500 MG	12	1 MG/ML	50
desonide CREA	39	DIACOMIT PACK 250 MG	12	dihydroergotamine mesylate SOLN	
desonide LOTN	39	DIACOMIT PACK 500 MG	12	NA 4 MG/ML	50
desonide OINT	39	diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11	DILANTIN (phenytoin sodium	
desoximetasone CREA 0.25 %	39	diazepam CONC	8	extended)	13
		diazepam SOLN PO 5 MG/5ML	8		

DILANTIN	13	divalproex sodium TBEC	13	MG, 75 MG	59
DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	13	docetaxel CONC 20 MG/ML	26	doxycycline hyclate CAPS	59
DILANTIN SUSP (phenytoin)	13	docusate calcium	47	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	59
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	13	docusate sodium CAPS 100 MG ..	48	doxylamine-pyridoxine TBEC	17
diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	31	docusate sodium CAPS 250 MG ..	47	dronabinol CAPS	17
diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	31	dofetilide	9	drosiprenone-ethinyl estradiol	33
diltiazem hcl CP12	31	donepezil hydrochloride TABS 10 MG	57	drosiprenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium	33
diltiazem hcl CP24	31	donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	57	DROXIA CAPS	46
diltiazem hcl extended release beads	31	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	57	DUAVEE	43
diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	31	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 57		DULERA	10
DILTIAZEM HCL SOLR	31	dorzolamide hcl	56	duloxetine hcl CPEP	14
diltiazem hcl TABS	31	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	55	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 40	
diltiazem hcl TB24	31	DOVATO	28	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	40
dimethyl fumarate CDPK	58	doxazosin mesylate	19	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 40	
dimethyl fumarate CPDR	58	doxepin hcl (antipruritic)	37	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	40
DIPENTUM	44	doxepin hcl (sleep)	47	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	48
diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18		doxepin hcl CAPS	14	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	48
diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18	doxepin hcl CONC	14	DUREX TROPICAL MISC	48
diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML	18	doxercalciferol CAPS	43	dutasteride	45
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16	doxercalciferol SOLN	43	dutasteride-tamsulosin hcl	45
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	24	econazole nitrate CREA	36
dipyridamole	46	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	59	EDARBI	19
disopyramide phosphate CAPS	8	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	59	EDURANT	28
disulfiram	57	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	59	efavirenz CAPS 200 MG	28
divalproex sodium TB24	13	doxycycline (monohydrate) TABS 50		efavirenz CAPS 50 MG	28
		doxycycline (monohydrate) TABS 50		efavirenz TABS	28

efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	28	emtricitabine CAPS	28	MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11
efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	28	emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate	28	entacapone	26
ELAPRASE	43	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG	29	entecavir TABS	30
electrolyte-148	51	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	29	EPIDIOLEX	12
electrolyte-a	51	EMTRIVA SOLN	29	epinastine hcl (ophth)	56
ELESTRIN GEL	43	EMVERM CHEW	7	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ ..	64
eletriptan hydrobromide	50	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20		eplerenone	20
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	24	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		epoprostenol sodium	32
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	24	enalapril maleate TABS	19	eptifibatide 200 MG/100ML	46
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPk	10	ENBREL MINI SOCT	4	EQL PRENATAL FORMULA TABS 53	
ELIQUIS TABS	10	ENBREL SOLN	4	EQUETRO 100 MG	27
ELLA	34	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	EQUETRO 200 MG	27
ELMIRON CAPS	45	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	EQUETRO 300 MG	27
eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG	46	ENBREL SURECLICK SOAJ	4	ERBITUX	23
eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	46	ENERGIX-B SUSP 20 MCG/ML ..	61	ergocalciferol CAPS	64
EMBECTA AUTOSHIELD DUO ..	50	ENERGIX-B SUSY	61	ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML	64
EMBECTA PEN NEEDLE NANO ..	50	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11	ergoloid mesylates TABS	58
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	50	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11	ERGOMAR SUBL	50
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	50	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11	ergotamine w/ caffeine TABS	50
EMCYT	24	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11	eribulin mesylate	26
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY 50		enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11	ERIVEDGE	24
EMGALITY SOAJ	50	enoxaparin sodium SOSY 80		ERLEADA 240 MG	24
EMGALITY SOSY	50			ERLEADA 60 MG	24
EMSAM	13			erlotinib hcl	23
				ERTACZO	36
				ertapenem sodium IJ	21
				erythromycin (acne aid) PADS	35
				erythromycin (acne aid) SOLN	35
				erythromycin (ophth)	55

erythromycin base CPEP	48	etodolac CAPS	4	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	
erythromycin base TABS	48	etodolac TABS	4	48	
erythromycin base TBEC	48	etonogestrel-ethinyl estradiol	34	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	
erythromycin ethylsuccinate SUSR		ETOPOPHOS	26		16
48		etoposide CAPS	26	FASENRA PEN SOAJ	9
erythromycin ethylsuccinate TABS	48	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100		FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	9
escitalopram oxalate SOLN	13	MG/5ML, 500 MG/25ML	26	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9
escitalopram oxalate TABS	13	etravirine 100 MG	29	FC2 FEMALE CONDOM	48
eslicarbazepine acetate 200 MG, 400		etravirine 200 MG	29	febuxostat	45
MG, 600 MG, 800 MG	12	EUCRISA	40	felbamate SUSP	12
esomeprazole magnesium CPDR 20		EVAMIST SOLN	44	felbamate TABS 400 MG	12
MG	60	everolimus (immunosuppressant)		felbamate TABS 600 MG	12
esomeprazole magnesium CPDR 40		0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	52	felodipine	31
MG	60	everolimus (immunosuppressant) 1		FEMCAP DEVI	48
esomeprazole magnesium TBEC ..	60	MG	52	FEMLYV TBDP	33
estazolam	47	everolimus TABS	25	FEMRING	63
estradiol GEL	43	EVEXITHROID TABS 180 MG	59	fenofibrate micronized 43 MG, 67	
estradiol PTTW	43	EVOTAZ	29	MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	18
estradiol PTWK	43	exemestane	24	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
estradiol TABS	43	EXTAVIA KIT	58	MG, 160 MG	18
estradiol vaginal CREA	63	ezetimibe	19	fenoprofen calcium TABS	4
estradiol vaginal TABS	63	ezetimibe-simvastatin	18	FENSOLVI (6 MONTH) SC	43
estradiol valerate	43	famciclovir 125 MG, 250 MG	30	fentanyl citrate LPOP	5
estrogens, conjugated TABS 0.3 MG,		famciclovir 500 MG	30	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25	
0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25		famotidine in nacl SOLN	60	MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR,	
MG	44	famotidine SUSR	60	100 MCG/HR	5
eszopiclone	47	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	60	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15	
ethacrynic acid	41	FANAPT	27	MG/ML	47
ethambutol hcl TABS	22	FANAPT TITRATION PACK A	27	ferrous sulfate TABS 325 MG, 65	
ethosuximide CAPS	13	FANTASY LUBRICATED MISC ...	48	MG, 325 MG	47
ethosuximide SOLN	13	FANTASY		ferrous sulfate TBEC 325 MG	47
ethynodiol diacet & eth estrad	33			fesoterodine fumarate	60
				FETZIMA CP24	14

FETZIMA TITRATION C4PK 14	FLUMIST QUADRIVALENT 62	flurbiprofen sodium 56
fidaxomicin TABS 200 MG 48	flunisolide (nasal) 54	flurbiprofen TABS 4
finasteride 45	fluocinolone acetonide (otic) 56	fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT 9
fingolimod hcl 58	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 39	fluticasone furoate-vilanterol 10
FIRMAGON (240 MG DOSE) 24	fluocinolone acetonide CREA 0.025 % 39	fluticasone propionate (inhalation) AEPB 9
FIRMAGON 80 MG 24	fluocinolone acetonide OIL 39	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 54
flavoxate hcl 61	fluocinolone acetonide OINT 39	fluticasone propionate CREA 0.05 % 39
flecainide acetate 8	fluocinolone acetonide SOLN 39	fluticasone propionate hfa 9
floxuridine 23	fluocinonide CREA 0.05 % 39	fluticasone propionate LOTN 39
FLUAD 61	fluocinonide CREA 0.1 % 39	fluticasone propionate OINT 39
FLUAD QUADRIVALENT 61	fluocinonide emulsified base 39	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT 10
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY 61	fluocinonide GEL 39	fluticasone-salmeterol AERO 10
FLUARIX SUSY 61	fluocinonide OINT 39	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ... 18
FLUBLOK QUADRIVALENT 62	fluocinonide SOLN 39	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ... 18
FLUBLOK SOSY 62	fluorometholone (ophth) SUSP 55	fluvoxamine maleate TABS 13
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP 62	fluorouracil (topical) CREA 5 % ... 37	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT 62
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY 62	fluorouracil (topical) SOLN 37	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY 62
FLUCELVAX SUSP 62	fluorouracil 500 MG/10ML 23	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 62
FLUCELVAX SUSY 62	fluoxetine hcl CAPS 13	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 62
fluconazole SUSR 17	fluoxetine hcl CPDR 13	FLUZONE SUSP 62
fluconazole TABS 17	fluoxetine hcl SOLN 13	FLUZONE SUSY 62
flucytosine 17	fluoxetine hcl TABS 13	FML FORTE SUSP 55
fludarabine phosphate SOLN 23	fluphenazine hcl CONC 28	folic acid TABS 46
fludarabine phosphate SOLR 23	fluphenazine hcl ELIX 28	
fludrocortisone acetate TABS 34	fluphenazine hcl SOLN 28	
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY . 62	fluphenazine hcl TABS 28	
FLULAVAL SUSY 62	flurandrenolide CREA 39	
FLUMIST 62	flurandrenolide LOTN 39	
	flurazepam hcl 47	

fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11	furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML	58 42	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 58
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML, 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML	furosemide TABS	42	GLEOSTINE 10 MG (lomustine) ..
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	FUZEON SOLR	29	22
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	gabapentin CAPS	12	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (lomustine)
41	gabapentin SOLN	12	22
formoterol fumarate NEBU	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12		glimepiride 1 MG, 2 MG
10			16
FOSAMAX PLUS D	galantamine hydrobromide CP24 ..	57	glimepiride 4 MG
42	galantamine hydrobromide SOLN ..	57	16
fosamprenavir calcium TABS	galantamine hydrobromide TABS ..	57	glipizide TABS 5 MG, 10 MG
29	ganciclovir sodium SOLR	29	16
fosfomycin tromethamine	ganirelix acetate	42	glipizide TB24
21			16
fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	62	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG
20	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	62	14
fosinopril sodium	gatifloxacin (ophth)	55	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG
19	gefitinib	24	14
fosphenytoin sodium	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	23	GLUCAGEN DIAGNOSTIC
13	gemfibrozil TABS	18	40
FRAGMIN SOSY	GENOTROPIN CART SC	42	glucagon SOLR IJ 1 MG
11	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	42	15
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG
49			16
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	55	glyburide TABS
49			16
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	gentamicin sulfate (topical) CREA ..	36	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG
49	gentamicin sulfate (topical) OINT ..	36	14
FREESTYLE LIBRE 2 READER ..	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML	2	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG
49			14
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..	GENVOYA	29	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..
49	GILOTRIF	24	45
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR			glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 60
49			60
FREESTYLE LIBRE 3 READER ..			glycopyrrolate TABS 1 MG
49			60
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..			GLYXAMBI
49			14
FREESTYLE LIBRE READER			GNP PRENATAL TABS
49			53
frovatriptan succinate			GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS
50			53
FT PRENATAL TABS			GOHIBIC
53			46
fulvestrant SOSY			
24			

GOJJI BLOOD KETONE TEST ...41	HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/15ML-7.5 MG/15ML 6	
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 17	MG/0.8ML3	hydrocodone-acetaminophen SOLN
granisetron hcl TABS 17	HUMIRA (2 PEN) AJKT3	325 MG/15ML-10 MG/15ML 6
GRASTEK SUBL2	HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT3	hydrocodone-acetaminophen TABS
griseofulvin microsize SUSP17	HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT3	300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG6
griseofulvin microsize TABS17	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT3	hydrocodone-acetaminophen TABS
griseofulvin ultramicrosize17		325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG6
guanfacine hcl (adhd)1	HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT3	hydrocodone-acetaminophen TABS
guanfacine hcl19		325 MG-2.5 MG 6
GYNAZOLE-163	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG7
HAEGARDA SOLR SC46	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG7
halcinonide CREA39	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT3	hydrocortisone (intrarectal)7
halobetasol propionate CREA39	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC15	hydrocortisone (rectal) EX7
halobetasol propionate OINT39		hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %39
HALOG OINT39	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC15	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 39
haloperidol decanoate27	HYCAMTIN CAPS26	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %39
haloperidol lactate CONC27	hydralazine hcl SOLN20	hydrocortisone acetate (rectal)7
haloperidol lactate SOLN27	hydralazine hcl TABS20	hydrocortisone butyrate CREA 39
haloperidol TABS27	hydrochlorothiazide CAPS42	hydrocortisone butyrate OINT 39
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML62	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 42	hydrocortisone butyrate SOLN 39
HEMANGEOL SOLN PO31	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG 42	hydrocortisone sod succinate 100 MG 34
HEMATINIC/FOLIC ACID46	hydrocodone bitartrate CP125	hydrocortisone TABS 34
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11	hydrocodone bitartrate T24A5	hydrocortisone vaginal63
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML 11	hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER .35	hydrocortisone valerate CREA 39
HEPLISAV-B SOSY62	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325	hydrocortisone valerate OINT 39
HIBERIX SOLR IJ61		hydrocortisone w/acetic acid56
HUMATROPE CART IJ42		

hydromorphone hcl LIQD	5	idarubicin hcl 20 MG/20ML	25	INTELENCE 25 MG	29
hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .	5	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	25	IONOSOL-MB IN D5W	51
hydromorphone hcl TABS	5	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	22	IPOL IJ	62
hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5	ifosfamide SOLR	23	ipratropium bromide (nasal) 0.03 %	54
hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	5	imatinib mesylate TABS	25	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	54
hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22		imipramine hcl TABS	14	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	9
hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22		imipramine pamoate	14	ipratropium-albuterol SOLN	10
hydroxychloroquine sulfate 400 MG 22		imiquimod 5 %	40	irbesartan	19
hydroxyurea	26	IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	50	irbesartan-hydrochlorothiazide	20
hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	50	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	26
hydroxyzine hcl SYRP	8	INCRELEX	43	irrigation solutions, physiological ..	52
hydroxyzine hcl TABS	8	INCRUSE ELLIPTA	9	ISENTRESS CHEW	29
hydroxyzine pamoate CAPS	8	indapamide TABS 1.25 MG	42	ISENTRESS HD TABS	29
HYPERSAL NEBU	35	indapamide TABS 2.5 MG	42	ISENTRESS TABS	29
HYQVIA	56	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4		ISOLYTE-P IN D5W	51
ibandronate sodium SOLN	42	indomethacin CPR	4	ISOLYTE-S	51
ibandronate sodium TABS	42	INFANRIX	59	isoniazid SOLN	22
IBRANCE CAPS	25	INFLECTRA SOLR	44	isoniazid SYRP	22
IBRANCE TABS	25	INLYTA	23	isoniazid TABS	22
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML	4	INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN 15		isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	8
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..	4	INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN 15		isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	31
ibuprofen TABS 800 MG	4	INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	15	isosorbide mononitrate TABS	8
icatibant acetate SOSY	46	INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	15	isosorbide mononitrate TB24	8
ICLUSIG	25	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	15	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	35
icosapent ethyl 1 GM	18	INSULIN LISPRO SOLN IJ	15	isradipine CAPS	31
				itraconazole CAPS	17

itraconazole SOLN	17	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	30		
ivabradine hcl TABS	32	56	labetalol hcl TABS 300 MG	30	
ivermectin (pediculicide)	40	KEVZARA SOAJ	3	lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50	
ivermectin	8	KEVZARA SOSY	3	MG/5ML, 100 MG/10ML	12
IXEMPRA KIT 15 MG	26	KIMONO COLORS DEVI	48	lacosamide TABS	12
JAKAFI	25	KIMONO MAXX-LARGE FLARE		lactated ringer's (irrigation)	52
JANUMET TABS	14	MISC	48	lactic acid (ammonium lactate) CREA	
JANUMET XR TB24 1000 MG-100		KIMONO MICRO THIN PLUS MISC			40
MG	14	48		lactic acid (ammonium lactate) LOTN	
JANUMET XR TB24 1000 MG-50		KIMONO MISC	48	12 %	40
MG, 500 MG-50 MG	14	KIMONO PLUS MISC	48	lactulose (encephalopathy)	45
JANUVIA	15	KIMONO PS MISC	48	lactulose SOLN	47
JARDIANCE	16	KIMONO PS PLUS MISC	48	lamivudine (hbv) TABS	30
JULUCA	29	KIMONO SENSATION MISC	48	lamivudine SOLN	29
JYNNEOS	62	KIMONO SENSATION PLUS MISC		lamivudine TABS 150 MG	29
KALETRA SOLN	29	48		lamivudine TABS 300 MG	29
KALYDECO TABS	58	KIMONO SPECIAL DEVI	48	lamivudine-zidovudine	29
KAMELEON LUBRICATED MISC	48	KINRIX SUSY	59	lamotrigine CHEW 25 MG	12
KANJINTI	23	KISQALI (200 MG DOSE)	25	lamotrigine CHEW 5 MG	12
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40		KISQALI (400 MG DOSE)	25	lamotrigine TABS	12
MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in		KISQALI (600 MG DOSE)	25	lamotrigine TB24	12
dextrose & sodium chloride)	51	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)		lamotrigine TBDP	12
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	51	25		LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	31
ketoconazole (topical) CREA	36	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)		LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125	
ketoconazole (topical) SHAM 2 %	36	25		MCG, 250 MCG (digoxin)	31
ketoconazole	17	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)		lansoprazole CPDR 15 MG	60
		25		lansoprazole CPDR 30 MG	60
KETONE TEST STRP	41	KP PRENATAL MULTIVITAMINS		lanthanum carbonate CHEW	45
ketoprofen CAPS 50 MG	4	TABS	53	lapatinib ditosylate	25
ketorolac tromethamine (ophth)	56	KRINTAFEL	22	LASTACRAFT	56
ketorolac tromethamine TABS	4	KYPROLIS	25	latanoprost SOLN	56
KETOSTIX STRP	41	labetalol hcl SOLN	30		
		labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG			

LEDIPASVIR-SOFOSBUVIR TABS 30	levocetirizine dihydrochloride SOLN 18	lincomycin hcl 21
leflunomide 4	levocetirizine dihydrochloride TABS 18	linezolid SUSR 21
LEMTRADA 58	levofloxacin (ophth) 0.5 % 55	linezolid TABS 21
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG 52	levofloxacin in d5w 500 MG/100ML 44	LINZESS 45
lenalidomide 20 MG 52	levofloxacin SOLN PO 44	liothyronine sodium SOLN 59
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) . 23	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 44	liothyronine sodium TABS 59
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) . 23	levofloxacin TABS 500 MG 44	liraglutide 15
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) . 23	levonorgestrel & eth estradiol TABS 33	lisdexafetamine dimesylate CAPS 1
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) . 23	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG 34	lisdexafetamine dimesylate CHEW . 1
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) . 23	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) 33	lisinopril & hydrochlorothiazide 20
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) . 23	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG 33	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG 19
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) .. 23	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 33	lithium 27
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) .. 23	levorphanol tartrate TABS 2 MG 5	lithium carbonate CAPS 27
letrozole 24	levothyroxine sodium TABS 59	lithium carbonate TABS 27
leucovorin calcium SOLR 26	LEXIVA SUSP 29	lithium carbonate TBCR 27
leucovorin calcium TABS 26	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ... 52	LO LOESTRIN FE TABS 33
LEUKERAN 23	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ... 52	lofexidine hcl 57
LEUKINE SOLR IJ 46	lidocaine hcl GEL 2 % 40	LOKELMA 52
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML 24	lidocaine hcl PRSY 40	lomustine 10 MG 23
levalbuterol hcl 10	lidocaine hcl SOLN 40	lomustine 40 MG, 100 MG 23
levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML 10	lidocaine PTCH 5 % 40	loperamide hcl CAPS 16
levalbuterol tartrate 10	lidocaine-prilocaine CREA 40	lopinavir-ritonavir SOLN 29
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12		lopinavir-ritonavir TABS 29
levetiracetam TABS 1000 MG 12		LOQTORZI 23
levetiracetam TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG 12		loratadine CAPS 18
levetiracetam TB24 12		loratadine CHEW 18
levobunolol hcl 0.5 % 55		loratadine SOLN 18
		loratadine TABS 18
		loratadine TBDP 18

lorazepam CONC	8	mafenide acetate PACK	38	melphalan	23
lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8	malathion	40	melphalan hcl IV	23
lorazepam TABS 1 MG	8	maraviroc TABS 150 MG	29	memantine hcl TABS	57
LORBRENA	25	maraviroc TABS 300 MG	29	MENACTRA	61
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20	MARPLAN	13	MENEST 2.5 MG	44
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20		MASONATAL TABS	53	MENOSTAR PTWK	44
losartan potassium	19	MATRONEX TABS	53	MENQUADFI 0.5 ML	61
LOTEMAX OINT	55	MATULANE	26	MENVEO SOLR	61
loteprednol etabonate GEL	55	MAXIDEX SUSP OP	55	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5
loteprednol etabonate SUSP	55	MAXX MISC	48	meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML	5
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	18	MAXX PLUS MISC	48	meperidine hcl TABS 50 MG	5
lovastatin TABS 40 MG	19	meclizine hcl TABS 12.5 MG	17	meprobamate	8
loxapine succinate	28	meclizine hcl TABS 25 MG	17	mercaptopurine TABS	23
lubiprostone	44	meclofenamate sodium CAPS	4	mesalamine CP24	44
luliconazole	36	MEDROL TABS	34	mesalamine CPDR	44
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	34	mesalamine ENEM	44
LUMAKRAS 320 MG	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	34	mesalamine SUPP	44
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	24	medroxyprogesterone acetate 10 MG	57	mesalamine TBEC 1.2 GM	44
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	24	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG	57	mesalamine TBEC 800 MG	44
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	24	mefenamic acid CAPS	4	metaxalone 800 MG	54
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	24	mefloquine hcl	22	metformin hcl TABS 1000 MG	15
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	27	megestrol acetate (appetite)	57	metformin hcl TABS 500 MG	15
lurasidone hcl 80 MG	27	megestrol acetate SUSP	24	metformin hcl TABS 850 MG	15
LYNPARZA TABS	25	megestrol acetate TABS	24	metformin hcl TB24 500 MG	15
LYSODREN	24	MEKINIST TABS 0.5 MG	25	metformin hcl TB24 750 MG	15
		MEKINIST TABS 2 MG	25	methadone hcl CONC	5
		meloxicam TABS	4	METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)	5
				methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .	5

methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML 5	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG 2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 40
methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML 5	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG 2	metronidazole (topical) GEL 1 % .. 40
methadone hcl TABS 10 MG 5	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG 2	metronidazole (topical) LOTN 40
methadone hcl TABS 5 MG 5	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG 2	metronidazole TABS 250 MG, 500 MG 20
methadone hcl TBSO 5	methylphenidate PTCH 2	metronidazole vaginal 63
methamphetamine hcl 1	methylprednisolone acetate SUSP 34	mexiletine hcl 8
methazolamide TABS 41	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG 34	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG 63
methenamine hippurate 21	methylprednisolone TABS 34	midodrine hcl 64
methimazole TABS 59	methylprednisolone TBPK 34	miglitol 14
methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG 54	methyltestosterone TABS 7	miglustat 46
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML 23	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML 44	minocycline hcl CAPS 59
methotrexate sodium SOLR 23	metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML 44	minocycline hcl TABS 59
methotrexate sodium TABS 2.5 MG 23	metoclopramide hcl TABS 44	minoxidil 2.5 MG, 10 MG 20
methoxsalen rapid 37	metolazone 42	mirabegron TB24 61
methscopolamine bromide 60	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG 20	MIRCERA 46
methsuximide 13	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG 20	mirtazapine TABS 13
methyldopa TABS 19	metoprolol succinate TB24 200 MG 30	mirtazapine TBDP 13
methylphenidate hcl CHEW 1	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG 30	misoprostol 60
methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG 1	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML 30	mitomycin SOLR IV 20 MG 25
methylphenidate hcl CP24 30 MG .. 1	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG 31	mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML .. 25
methylphenidate hcl CP24 1	metronidazole (topical) CREA 40	M-M-R II SOLR 62
methylphenidate hcl CPR 1		M-NATAL PLUS TABS 53
methylphenidate hcl SOLN 2		MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML . 62
methylphenidate hcl TABS 2		modafinil 100 MG 2
methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG 2		modafinil 200 MG 2
		MODERNA COVID-19 BIVALENT 62
		MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y

SUSP62	mupirocin OINT36	nefazodone hcl14
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY62	MVASI23	nelarabine23
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP62	MYALEPT43	neomycin sulfate TABS2
moexipril hcl19	mycophenolate mofetil CAPS52	neomycin-bacitracin zn-polymyxin 55
mometasone furoate (nasal) SUSP 54	mycophenolate mofetil TABS52	neomycin-polymy-dexameth OINT 55
mometasone furoate CREA39	mycophenolate sodium52	neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %55
mometasone furoate OINT39	MYLERAN TABS23	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...55
mometasone furoate SOLN39	nabumetone4	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN . 56
montelukast sodium CHEW9	nadolol TABS 20 MG31	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP . 56
montelukast sodium PACK9	nadolol TABS 40 MG31	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG53
montelukast sodium TABS9	nadolol TABS 80 MG31	NEONATAL PLUS TABS53
morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG5	naftillin sodium IV 10 GM57	NEONATAL PRENATAL TABS ...53
morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML6	naftifine hcl CREA 1 %36	NEONATAL VITAMIN TABS53
morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML6	naftifine hcl CREA 2 %36	neostigmine methylsulfate SOSY ..22
morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML6	naloxone hcl LIQD16	NEO-SYNALAR36
morphine sulfate TABS6	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML16	NEUPRO27
morphine sulfate TBCR6	naltrexone hcl16	NEVANAC56
MOTOFEN16	naproxen sodium TABS 550 MG ...4	nevirapine SUSP29
MOVANTIK45	naproxen SUSP4	nevirapine TABS29
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 55	naproxen TABS4	nevirapine TB24 400 MG29
moxifloxacin hcl in sodium chloride 44	naproxen TBEC 500 MG4	NEXIUM 24HR TBEC 20 MG60
moxifloxacin hcl TABS44	naratriptan hcl50	NEXTSTELLIS33
MRESVIA62	NATACYN55	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..19
MULTI PRENATAL TABS53	NATAZIA33	niacin CPCR 250 MG, 500 MG64
	nateglinide16	NIACIN ER TBCR64
	NAYZILAM11	
	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 31	
	nebivolol hcl 20 MG31	
	NEBUSAL NEBU35	

niacin TABS	64	nitroglycerin PT24	8	NORMOSOL-M IN D5W	51
niacin TBCR	64	NITROGLYCERIN SOLN IV	8	NORMOSOL-R PH 7.4	51
niacinamide TABS 100 MG	64	nitroglycerin SUBL	8	nortriptyline hcl CAPS	14
niacinamide TABS 500 MG	64	NIVA-PLUS TABS	53	nortriptyline hcl SOLN	14
nicardipine hcl CAPS	31	nizatidine CAPS	60	NORVIR CAPS	29
nicardipine hcl SOLN	31	NORDITROPIN FLEXPEN SOPN 30		NORVIR PACK	29
NICOTINE KIT	58	MG/3ML	42	NOVA MAX PLUS KETONE TEST	
nicotine polacrilex GUM	58	NORDITROPIN FLEXPEN SOPN 5		41	
nicotine polacrilex LOZG	58	MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15		NOVAREL IM 10000 UNIT	42
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14		MG/1.5ML	42	NOVAVAX COVID-19 VACCINE	
MG/24HR, 21 MG/24HR	58	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	33	SUSP	62
NICOTROL INHA	58	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	33	NOVAVAX COVID-19 VACCINE	
NICOTROL NS SOLN	58	norethin acet & estrad-fe CHEW ...	33	SUSY	63
nifedipine CAPS 10 MG	31	norethin acet & estrad-fe TABS 1		NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16
nifedipine CAPS 20 MG	31	MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30		NOVOLIN 70/30 SUSP	16
nifedipine TB24 60 MG	31	MCG-75 MG	33	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16
nifedipine TB24 90 MG	31	norethindrone & eth estradiol	33	NOVOLIN N SUSP	16
nifedipine TB24	31	norethindrone & ethinyl estradiol-fe		NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16
nilutamide	24	33		NOVOLIN R SOLN IJ	16
nimodipine CAPS	31	norethindrone (contraceptive)	34	NOVOLOG FLEXPEN SOPN	16
NIPENT	26	norethindrone acet & eth estra TABS		NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN	
nisoldipine	31	33		SUPN	16
nitazoxanide TABS	21	norethindrone acetate TABS	57	NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	16
nitisinone CAPS	43	norethindrone acetate-ethinyl		NOVOLOG PENFILL SOCT	16
NITRO-BID OINT	8	estradiol	43	NOVOLOG SOLN IJ	16
nitrofurantoin	21	norethindrone acetate-ethinyl		NP THYROID TABS	59
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG,		estradiol-fe	33	NUBEQA	24
100 MG	21	norethindrone-eth estradiol (triphasic)		NUEDEXTA	58
nitrofurantoin monohyd macro	21		33	NUVAXOVID COVID-19 VACCINE	
nitroglycerin (intra-anal)	7	norgestimate-ethinyl estradiol		SUSY 5 MCG/0.5ML	63
nitroglycerin CPCR	8	(triphasic)	33	nystatin (mouth-throat)	53
		norgestimate-ethinyl estradiol	33	nystatin (topical) CREA	36
		MCG-0.3 MG	33		

nystatin (topical) OINT	36	omeprazole magnesium CPDR	60	OTEZLA TBPK	4
nystatin (topical) POWD EX	36	omeprazole TBEC	60	OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4
nystatin TABS	17	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	60	OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK	4
nystatin-triamcinolone CREA	36	OMNIFLEX DIAPHRAGM	48	oxacillin sodium IV 10 GM	57
nystatin-triamcinolone OINT	36	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML 17		oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23
NYVEPRIA	46	ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML	17	oxaprozin TABS	4
octreotide acetate SOLN	43	ondansetron hcl SOSY	17	oxazepam CAPS	8
ODEFSEY	29	ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxcarbazepine SUSP	12
ODOMZO	24	ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12
OFEV	59	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxcarbazepine TABS 600 MG	12
ofloxacin (ophth)	55	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxiconazole nitrate CREA	36
ofloxacin (otic)	56	ondansetron TBDP 4 MG	17	OXISTAT LOTN	37
ofloxacin 300 MG, 400 MG	44	ondansetron TBDP 8 MG	17	oxybutynin chloride SOLN	60
OGIVRI	23	ONE VITE WOMENS PLUS TABS 53		oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	60
olanzapine SOLR	28	ONE VITE WOMENS TABS	53	oxybutynin chloride TB24	60
olanzapine TABS 15 MG, 20 MG ..	28	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	49	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG, 7.5 MG, 10 MG	28	OPILL	34	oxycodone hcl TABS	6
olanzapine TBDP 20 MG	28	ORENITRAM TBCR	32	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	28	ORGOVYX	24	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7
olmesartan medoxomil	19	ORILISSA	42	oxymorphone hcl TABS	6
olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	20	ORKAMBI PACK	58	oxymorphone hcl TB12 40 MG	6
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	20	ORKAMBI TABS	58	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6	
olopatadine hcl (nasal)	54	ORLADEYO	46	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	15
olopatadine hcl 0.1 %	56	orphenadrine citrate TB12	54	OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4	
olopatadine hcl 0.2 %	56	oseltamivir phosphate CAPS	30		
omega-3-acid ethyl esters	18	oseltamivir phosphate SUSR	30		
omeprazole CPDR	60	OSPHENA	43		
		OTEZLA TABS	4		

MG/3ML15	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP63
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...15	PENBRAYA 61	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP63
paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML26	penciclovir38	PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP 63
paclitaxel protein-bound particles .26	penicillamine CAPS52	PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP63
paliperidone 27	penicillamine TABS52	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG45
palonosetron hcl SOLN17	PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .57	phendimetrazine tartrate TABS 1
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML42	penicillin g potassium 5000000 UNIT 57	phenelzine sulfate13
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 42	penicillin g sodium57	phenobarbital ELIX47
PANRETIN 37	penicillin v potassium SOLR57	phenobarbital TABS47
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 60	penicillin v potassium TABS57	phenoxybenzamine hcl19
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 60	PENMENVY SUSR IM61	phentermine hcl CAPS1
paricalcitol CAPS43	PENTACEL59	phenytoin CHEW13
paricalcitol SOLN43	pentamidine isethionate IN 20	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG13
paroxetine hcl SUSP13	pentazocine w/ naloxone hcl 7	phenytoin sodium SOLN13
paroxetine hcl TABS13	pentoxifylline46	phenytoin SUSP 13
paroxetine hcl TB2413	perampanel TABS 2 MG11	PHEXX63
pazopanib hcl25	perampanel TABS 4 MG11	PHEXXI63
PEDIARIX SUSY59	perampanel TABS 6 MG11	PHOTOFRIN26
PEDVAX HIB SUSP61	perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG 11	PIFELTRO29
peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid47	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .19	pilocarpine hcl (oral)53
peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM 47	perindopril erbumine 4 MG 19	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 55
peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride47	permethrin CREA40	pimecrolimus40
PEGASYS SOLN30	permethrin LIQD EX40	pimozide58
PEGASYS SOSY30	perphenazine TABS28	pindolol TABS31
	perphenazine-amitriptyline57	pioglitazone hcl16
	PERSERIS PRSY27	
	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT . 63	

pioglitazone hcl-glimepiride	14	% , 5 %-20 MEQ/L-0.45 % , 5 %-20 MEQ/L-0.9 % , 5 %-30 MEQ/L-0.45 % , 5 %-40 MEQ/L-0.45 % , 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	51	prednisolone acetate (ophth)	55
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS	14			PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	55
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	25	potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L	51	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	34
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	25	potassium chloride microencapsulated crystals er	51	prednisolone sodium phosphate TBDP	34
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	25	potassium chloride PACK PO 20 MEQ	52	prednisolone SOLN	34
pirfenidone CAPS	59	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride)	52	prednisolone TABS	34
pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG	59			prednisone SOLN	34
pirfenidone TABS 534 MG	59			prednisone TABS 1 MG, 5 MG	34
piroxicam CAPS	4			prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	34
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	51	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	52	prednisone TBPK	34
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	51	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	52	pregabalin (once-daily) 330 MG	58
PLEGRIDY SOAJ	58	potassium citrate (alkalinizer) TBCR	45	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	58
PLEGRIDY SOSY SC	58	potassium phosphates 45 MMOLE/15ML	51	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG	12
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	58	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	35	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG	12
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	58			pregabalin SOLN	12
PNEUMOVAX 23 SOLN	61	pralatrexate 20 MG/ML	23	PREHEVBRIO	63
PNEUMOVAX 23 SOSY	61	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	27	PREMARIN	63
podofilox SOLN	40	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	27	PREMARIN SOLR	44
polymyxin b-trimethoprim	55	prasugrel hcl	46	PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (estrogens, conjugated)	44
POMALYST	24	pravastatin sodium	19	PREMPHASE	43
posaconazole SUSP	17	praziquantel	8	PREMPRO	43
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML	51	prazosin hcl CAPS	19	PRENATAL ONE DAILY TABS	53
potassium bicarbonate TBEF	51	PRECISION XTRA KETONE	41	PRENATAL PLUS TABS	53
potassium chloride CPCR	52	PRED MILD	55		
potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45					

PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	53	PROGRAF PACK	52	PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	37
PRENATAL TABS	53	PROGRAF SOLN 5 MG/ML (tacrolimus)	52	PYZCHIVA 90 MG/ML	37
PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	53	PROLASTIN-C SOLN	58	PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	37
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT	53	PROLASTIN-C SOLR	58	QC PRENATAL TABS	54
PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG- 25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	53	PROLEUKIN	26	QUADRACEL SUSP	59
PRENATRIX TABS	54	PROLIA SOSY	42	QUADRACEL SUSY	59
PRENATRYL TABS	54	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18	quazepam	47
PREVNAR 13	61	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG	28
PREVNAR 20	61	promethazine hcl TABS	18	quetiapine fumarate TB24	28
PREZCOBIX	29	propafenone hcl CP12	8	quinapril hcl 20 MG, 40 MG	19
PREZISTA SUSP	29	propafenone hcl TABS	8	quinapril hcl 5 MG, 10 MG	19
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	29	proparacaine hcl	55	quinapril-hydrochlorothiazide	20
PRIFTIN	22	propranolol hcl CP24	31	quinidine sulfate TABS	8
primaquine phosphate TABS	22	propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	31	quinine sulfate CAPS 324 MG	22
primidone 50 MG, 250 MG	12	propranolol hcl TABS	31	QUZYTIR SOLN IV	18
PRIORIX SUSR	63	propylthiouracil	59	QVAR REDHALER	9
probenecid	45	PROQUAD SUSR	63	rabeprazole sodium TBEC	60
procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8		protriptyline hcl	14	raloxifene hcl	43
prochlorperazine	28	prucalopride succinate	44	ramelteon	47
prochlorperazine maleate TABS ...	28	PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	ramipril CAPS	19
progesterone CAPS	57	PULMOZYME	58	ranolazine TB12 1000 MG	8
		pyrazinamide	22	ranolazine TB12 500 MG	8
		pyridostigmine bromide SOLN PO	22	rasagiline mesylate	27
		pyridostigmine bromide TABS 60 MG	22	REALITY LATEX CONDOMS MISC . 48	
		pyridostigmine bromide TBCR	22	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	48
		pyrimethamine	22	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 48	
		PYZCHIVA 130 MG/26ML	44	REBIF REBIDOSE SOAJ	58

REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ58	rimantadine hydrochloride TABS ..30	ROTATEQ SOLN63
REBIF SOSY58	ringer's51	ROZLYTREK CAPS25
REBIF TITRATION PACK SOSY ..58	ringer's irrigation52	RUBRACA25
RECOMBIVAX HB SUSP63	RINVOQ LQ SOLN2	rufinamide SUSP12
RECOMBIVAX HB SUSY63	RINVOQ TB242	rufinamide TABS 200 MG12
RELENZA DISKHALER30	risedronate sodium TABS 150 MG 42	rufinamide TABS 400 MG12
RELION KETONE TEST STRP ...41	risedronate sodium TABS 35 MG .42	RUXIENCE23
RELION LANCET DEVICES 30G .49	risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG42	RYBELSUS TABS15
RELION LANCETS49	risedronate sodium TBEC42	sacubitril-valsartan TABS32
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP41	risperidone microspheres27	salsalate5
RENFLEXIS44	risperidone SOLN27	SANTYL OINT40
repaglinide 0.5 MG, 1 MG16	risperidone TABS27	SAVELLA TABS57
repaglinide 2 MG16	risperidone TBDP27	SAVELLA TITRATION PACK MISC 57
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT19	ritonavir TABS29	saxagliptin hcl15
REPATHA SOSY19	rivaroxaban SUSR 1 MG/ML10	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG15
REPATHA SURECLICK SOAJ19	rivaroxaban TABS 2.5 MG10	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG14
RETACRIT46	rivastigmine tartrate CAPS57	scopolamine17
RETROVIR SOLN29	rizatriptan benzoate TABS 10 MG .50	SELECT INSULIN SYRINGES ...50
REXULTI28	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..50	SELECT LANCETS49
REZVOGLAR KWIKPEN16	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .50	selegiline hcl CAPS27
ribavirin (hepatitis c) CAPS30	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..50	selegiline hcl TABS27
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 30	roflumilast9	selenium sulfide LOTN 2.5 %38
RIDAURA3	romidepsin SOLR25	SELZENTRY SOLN29
rifabutin22	ropinirole hydrochloride TABS27	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 29
rifampin CAPS22	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG27	SEREVENT DISKUS10
rifampin SOLR22	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG27	sertraline hcl CONC14
riluzole TABS54	rosuvastatin calcium TABS19	sertraline hcl TABS14

sevelamer carbonate PACK	45	sodium acetate SOLN	51	SPIKEVAX SUSP	63
sevelamer carbonate TABS	45	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	45	SPIKEVAX SUSY	63
sevelamer hcl 800 MG	45	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	35	spinosad	40
SHINGRIX	63	sodium citrate & citric acid	45	SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	9
SIGNIFOR	43	sodium fluoride CHEW	51	spironolactone & hydrochlorothiazide	41
sildenafil citrate (pulmonary		sodium phenylbutyrate POWD	43	spironolactone TABS	42
hypertension) SOLN	32	sodium phenylbutyrate TABS	43	SPRAVATO (56 MG DOSE)	13
sildenafil citrate (pulmonary		sodium polystyrene sulfonate POWD	52	SPRAVATO (84 MG DOSE)	13
hypertension) SUSR	32	sodium polystyrene sulfonate SUSP		stannous fluoride CONC	53
sildenafil citrate (pulmonary		CO 15 GM/60ML	52	STELARA 130 MG/26ML	44
hypertension) TABS	32	sodium sulfate-potassium sulfate-		STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	37
sildenafil citrate	32	magnesium sulfate	47	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	37
silodosin	45	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS		STELARA SOSY 90 MG/ML	37
silver sulfadiazine	38		30	STEQEYMA	44
SIMLANDI (1 PEN) AJKT	3	solifenacin succinate TABS	60	STEQEYMA 45 MG/0.5ML	37
SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	3	SOLQUA	15	STEQEYMA 90 MG/ML	37
SIMLANDI (2 PEN) AJKT	3	SOLU-CORTEF 250 MG	34	STIOLTO RESPIMAT	10
SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	3	SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG		STIVARGA	25
SIMPONI ARIA SOLN	3	34		streptomycin sulfate SOLR	2
SIMULECT	52	SOLU-MEDROL 2 GM	34	STRIBILD	29
simvastatin TABS	19	sorafenib tosylate	25	STRIVERDI RESPIMAT	10
sirolimus TABS	52	SORBITOL 3 %	45	SUBSYS LIQD 800 MCG	6
SIRTURO	22	SORBITOL-MANNITOL 2.7		sucralfate SUSP	60
SKYRIZI PEN SOAJ	37	GM/100ML-0.54 GM/100ML	45	sucralfate TABS	60
SKYRIZI SOCT	44	sotalol hcl (afib/afi)	31	sulconazole nitrate CREA	37
SKYRIZI SOLN	44	sotalol hcl TABS 240 MG	31	sulconazole nitrate SOLN	37
SKYRIZI SOSY	37	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG,		sulfacetamide sodium (acne)	35
SLYND	34	160 MG	31	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .	55
SM PRENATAL VITAMINS TABS .	54	SOVALDI TABS	30	sulfacetamide sodium w/ sulfur	
SODIUM ACETATE SOLN (sodium		SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25			
acetate)	51	MCG/0.25ML	63		

CREA 10 %-5 %	35	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12	
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	35	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	telmisartan	19
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	35	SYNRIBO	26	telmisartan-amlodipine	20
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	55	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	59	telmisartan-hydrochlorothiazide ...	20
sulfadiazine TABS	59	TABLOID	23	temazepam 15 MG, 30 MG	47
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	tacrolimus (topical) OINT	40	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	47
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	tacrolimus CAPS	52	TEMODAR SOLR	23
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tacrolimus SOLN 5 MG/ML	52	temozolomide CAPS	23
SULFAMYLON CREA	38	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	32	temsirolimus	26
sulfasalazine TABS	44	tadalafil 5 MG	32	TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	59
sulfasalazine TBEC	44	TAFINLAR CAPS	25	tenofovir disoproxil fumarate TABS 29	
sulindac TABS	4	tafluprost	56	terazosin hcl	19
sumatriptan	51	TAGRISSO 40 MG	24	terbinafine hcl TABS	17
sumatriptan succinate SOAJ	51	TAGRISSO 80 MG	24	terbutaline sulfate SOLN	10
sumatriptan succinate SOCT	51	TAKHZYRO SOLN	46	terbutaline sulfate TABS	10
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	51	TAKHZYRO SOSY	46	terconazole vaginal CREA	63
sumatriptan succinate TABS	51	TALZENNA	26	terconazole vaginal SUPP	63
sumatriptan-naproxen sodium	50	tamoxifen citrate TABS	24	teriflunomide	58
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	25	tamsulosin hcl	45	teriparatide SOPN	42
sunitinib malate 37.5 MG	25	TASMAR (tolcapone)	26	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7
SUNOSI 150 MG	1	tavaborole	37	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
SUNOSI 75 MG	1	tazarotene CREA 0.1 %	38	testosterone enanthate SOLN IM ...	7
SYMTUZA	29	TAZVERIK	26	TETANUS-DIPHThERIA TOXIDS TD SUSP	59
SYNAREL	43	TDVAX SUSP	59	tetrabenazine	57
SYNJARDY TABS	15	TEFLARO	33	tetracycline hcl CAPS	59
		TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12		THALOMID	52
				theophylline ELIX	10

theophylline SOLN	10	tolterodine tartrate CP24	60	TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	38
theophylline TB12	10	tolterodine tartrate TABS	60	TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML 38	
theophylline TB24	10	tolvaptan TABS	43	TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	44
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	54	topiramate CPSP 15 MG	12	TREMFYA SOLN IV	45
thioridazine hcl	28	topiramate CPSP 25 MG	12	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	38
thiotepa 15 MG	23	topiramate CS24	12	TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML 45	
thiothixene	28	topiramate TABS 100 MG, 200 MG 12		TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	45
THYMOGLOBULIN	52	topiramate TABS 25 MG, 50 MG ..	12	treprostinil SOLN IJ	32
THYROGEN 0.9 MG	41	topotecan hcl SOLR	26	TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	16
tiagabine hcl	13	toremifene citrate	24	TRESIBA SOLN	16
ticagrelor 60 MG, 90 MG	46	torsemide TABS	42	tretinoin (chemotherapy)	26
timolol maleate (ophth) SOLG	55	TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)	32	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	36
timolol maleate (ophth) SOLN	55	tramadol hcl TABS 50 MG	6	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	36
timolol maleate TABS	31	tramadol hcl TB24	6	tretinoin microsphere 0.1 %	35
tinidazole	20	tramadol-acetaminophen	7	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	23
tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG	9	trandolapril 1 MG, 2 MG	19	triamcinolone acetonide (mouth) ..	53
TIVICAY PD TBSO	29	trandolapril 4 MG	19	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	54
TIVICAY TABS	29	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	40
tizanidine hcl CAPS	54	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	40
tizanidine hcl TABS	54	tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	47	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	40
tobramycin (ophth) SOLN	55	tranexamic acid TABS	47	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	40
tobramycin NEBU	2	tranylcypromine sulfate	13	triamcinolone acetonide (topical)	
tobramycin-dexamethasone SUSP 55		travoprost SOLN	56		
TODAY SPONGE MISC	63	TRAZIMERA	23		
tolcapone	26	trazodone hcl TABS	14		
tolmetin sodium CAPS	4	TRELEGY ELLIPTA	10		
tolmetin sodium TABS 600 MG	4	TRELSTAR MIXJECT	24		
TOLSURA CAPS	17				

LOTN 0.1 %	40	TROJAN ULTRA THIN MISC	49	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	49
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	40	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	49	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	49
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	40	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	49	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	49
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML	34	TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	49	TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	49
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	41	tropicamide SOLN 0.5 %	55	TRUXIMA	23
triamterene & hydrochlorothiazide TABS	41	tropicamide SOLN 1 %	55	TUKYSA	23
triamterene CAPS	42	trospium chloride CP24	61	TURALIO 125 MG	26
triazolam	47	trospium chloride TABS	61	TWINRIX SUSY	63
TRICARE TABS	54	TRUE COVER DEVI	49	TWIRLA	34
trientine hcl 250 MG	52	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	41	TYBLUME CHEW	33
trifluoperazine hcl TABS	28	TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	49	TYBOST	29
trifluridine	55	TRULANCE	44	TYMLOS	42
trihexyphenidyl hcl SOLN	26	TRULICITY	15	TYVASO REFILL KIT SOLN IN	32
trihexyphenidyl hcl TABS	26	TRUMENBA 0.5 ML	61	TYVASO SOLN IN	32
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	15	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	49	TYVASO STARTER KIT SOLN IN	32
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDDED MISC	49	UBRELVY 100 MG	50
TRIKAFTA TBPK	58	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	49	UBRELVY 50 MG	50
trimethobenzamide hcl CAPS	17	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	49	UDENYCA ONBODY SOSY	46
trimethoprim TABS	20	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	49	UDENYCA SOAJ	46
trimipramine maleate CAPS	14	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	49	UDENYCA SOSY	46
TRINTELLIX	14	TRUSTEX LUBRICATED MISC	49	umeclidinium-vilanterol	10
TRIUMEQ PD TBSO	29	TRUSTEX	49	UPTRAVI TABS 200 MCG	32
TRIUMEQ TABS	29	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	49	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	32
TROJAN BARESKIN DEVI	48			UPTRAVI TITRATION TBPK	32
TROJAN MAGNUM MISC	49			ursodiol CAPS	44
				ursodiol TABS	44

UVADEX	26	FILM	63	VITRAKVI SOLN	26
VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	24	VECAMYL	20	VIZIMPRO	24
valacyclovir hcl 1 GM	30	VECTIBIX 100 MG/5ML	24	VORAXAZE	26
valacyclovir hcl 500 MG	30	VELPHORO	45	voriconazole TABS	17
valganciclovir hcl TABS	29	venlafaxine hcl CP24	14	VOSEVI	30
valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	13	venlafaxine hcl TABS	14	VYVANSE CHEW	1
valproic acid CAPS	13	venlafaxine hcl TB24	14	warfarin sodium TABS	10
valrubicin	25	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	31	water for irrigation, sterile	52
valsartan TABS	19	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	31	WELCHOL TABS (colesevelam hcl) .	18
valsartan-hydrochlorothiazide	20	verapamil hcl TABS	31	WESTAB PLUS TABS	54
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	11	verapamil hcl TBCR	31	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	49
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	11	VEREGEN	36	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	49
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	11	VERZENIO	26	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	49
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	11	vigabatrin PACK	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	49
vancomycin hcl CAPS	21	vigabatrin TABS	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	49
vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .	21	VIIBRYD STARTER PACK KIT	14	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	49
VAQTA	63	vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	49
VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	63	vincristine sulfate	26	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	49
varenicline tartrate TABS	58	vinorelbine tartrate 10 MG/ML	26	XALKORI CAPS	26
varenicline tartrate TBPK	58	VIRACEPT TABS 250 MG	29	XARELTO STARTER PACK TBPK	10
VARIVAX SUSR	63	VIRACEPT TABS 625 MG	29	XARELTO SUSR 1 MG/ML (rivaroxaban)	10
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK ...	17	VIREAD POWD	29	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11
VAXELIS SUSP	59	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	29	XARELTO TABS 15 MG	11
VAXELIS SUSY	59	VISTOGARD	16	XELJANZ SOLN	2
VAXNEUVANCE	61	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	64	XELJANZ TABS 10 MG	2
VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE		VITATHELY WITH GINGER TABS	54	XELJANZ TABS 5 MG	2
		VITRAKVI CAPS	26	XELJANZ XR TB24	2
				XEOMIN	54

XHANCE EXHU	54	ZARXIO	46	ZONTIVITY	46
XIFAXAN 200 MG	21	ZEJULA TABS	26	ZORBTIVE SC	43
XIFAXAN 550 MG	21	ZELBORAF	26	ZURZUVAE	13
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	15	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	41	ZYDELIG	26
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	41	ZYLET	56
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	ZEPATIER	30	ZYVOX SUSR (linezolid)	21
XOSPATA	26	zidovudine CAPS	29		
XTANDI CAPS	24	zidovudine SYRP	29		
XTANDI TABS 40 MG	24	zidovudine TABS	29		
XTANDI TABS 80 MG	24	zileuton TB12	9		
XULTOPHY	15	ziprasidone hcl	27		
YERVOY	23	ZIRABEV	23		
YESINTEK 130 MG/26ML	45	ZIRGAN GEL	55		
YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML ..	38	ZOLADEX 10.8 MG	24		
YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML ..	38	ZOLADEX 3.6 MG	24		
YESINTEK SOSY 90 MG/ML	38	zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML 42			
YONSA	24	ZOLINZA	26		
YUFLYMA (1 PEN) AJKT	3	zolmitriptan SOLN	51		
YUFLYMA (2 PEN) AJKT	3	zolmitriptan TABS	51		
YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	3	zolmitriptan TBDP	51		
YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	3	zolidem tartrate TABS	47		
zafirlukast	9	zolidem tartrate TBCR	47		
zaleplon 10 MG	47	zonisamide CAPS	12		
zaleplon 5 MG	47				
ZALTRAP 100 MG/4ML	23				
ZANOSAR	23				
ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13				

Ambetter Health is underwritten by Coordinated Care Corporation, which is a Qualified Health Plan issuer in the Indiana Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. ©2025 Coordinated Care Corporation, AmbetterHealth.com/en/in. For information on your right to receive an Ambetter Health plan free of discrimination, or your right to receive language, auditory and/or visual assistance services, please visit AmbetterHealth.com and scroll to the bottom of the page.

Ambetter Health được bảo lãnh bởi Coordinated Care Corporation, đây là đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Indiana. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2025 Coordinated Care Corporation, AmbetterHealth.com/en/in. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter Health mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.